|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**Luật số: /2025/QH15 | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |
|  |  |

 **DỰ THẢO**

**LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT DOANH NGHIỆP**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành* *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số**03/2022/QH15.*

 **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp**

1. Sửa đổi bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Áp dụng Luật Doanh nghiệp và luật khác**

Việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 16 như sau:

“16. *Giấy tờ pháp lý của cá nhân* là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.”;

c) Bổ sung khoản 35, 36, 37, 38, 39 như sau:

“35*. Kê khai khống vốn điều lệ* là hành vi kê khai số vốn điều lệ lớn hơn số vốn thực tế góp tại thời điểm phải hoàn thành việc góp vốn theo quy định*.*

36*. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp* bao gồm 07 tình trạng:

a) Tạm ngừng kinh doanh;

b) Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

c) Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế;

d) Đang làm thủ tục giải thể, đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập;

đ) Đang làm thủ tục phá sản;

e) Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại;

g) Đang hoạt động.

37. *Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân* là cá nhân có một trong các tiêu chí sau:

a) Cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu từ 25% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp;

b) Cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng hơn 25% cổ tức hoặc lợi nhuận của doanh nghiệp;

c) Cá nhân cuối cùng có quyền chi phối doanh nghiệp.

“38. *Quyền chi phối doanh nghiệp* là việc cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức chi phối hoạt động của doanh nghiệp:

a) Thông qua sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của doanh nghiệp đó;

b) Trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc của doanh nghiệp;

c) Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

d) Quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh được quy định trong điều lệ doanh nghiệp đó.

39. *Sở hữu gián tiếp* là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của doanh nghiệp thông qua các tổ chức, doanh nghiệp khác mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; thu thập, cập nhật, lưu trữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi;báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp,thông tin về chủ sở hữu hưởng lợivà các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.”.

c) Bổ sung khoản 5a sau khoản 5 như sau:

“5a. Doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi tại thời điểm đăng ký thành lập. Trường hợp doanh nghiệp không có chủ sở hữu hưởng lợi tại thời điểm thành lập thì doanh nghiệp phải thông báo kịp thời thông tin trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm phát sinh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi.”.

4. Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Doanh nghiệp phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác được quy định trong Điều lệ công ty. Thông tin về tất cả các chủ sở hữu hưởng lợi phải được lưu trữ trong suốt quá trình hoạt động.

Trường hợp doanh nghiệp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, cá nhân là người đại diện theo pháp luật phải có trách nhiệm lưu trữ các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi ít nhất 05 năm kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định giải thể, phá sản chấm dứt hoạt động doanh nghiệp.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau:

“c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc là chủ sở hữu hưởng lợi,có cổ phần, phần vốn góptheo quy định của Luật này;”.

b) Bổ sung điểm d khoản 1 như sau:

“d) Cung cấp chính xác, đầy đủ các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và hợp tác với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp;”.

6. Sửa tên Điều 15 và bổ sung khoản 4 của Điều 15 như sau:

a) Sửa tên Điều 15 như sau:

**“Điều 15. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức; chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp”.**

b) Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp chính xác, đầy đủ các thông tin của mình cho doanh nghiệp để thực hiện nghĩa vụ kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo quy định của pháp luật.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 của Điều 16 như sau:

“4. Kê khai giả mạo, kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, trừ viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 như sau:

“e) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng;”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng, trừ viên chức, viên chức quản lý làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”.

9. Bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục, liên thông trong đăng ký doanh nghiệp.”.

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Doanh nghiệp phải đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Doanh nghiệp phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi có thay đổi một trong các nội dung sau đây:

a) Ngành, nghề kinh doanh;

b) Cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần, trừ trường hợp đối với công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán;

c) Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi;

d) Nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi hoặc ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực.”.

c) Bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Đối với các doanh nghiệp được thành lập trước thời điểm Luật này có hiệu lực thì việc kê khai bổ sung thông tin chủ sở hữu hưởng lợi doanh nghiệp được thực hiện đồng thời tại thời điểm doanh nghiệp tiến hành thủ tục đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 32 như sau:

“b) Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có); trừ trường hợp đối với công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán.”.

13. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 33 như sau:

“1a. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ công tác về phòng, chống rửa tiền.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

**“Điều 42. Trụ sở chính của doanh nghiệp**

Trụ sở chính của doanh nghiệp đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của doanh nghiệp và được xác định theo địa giới đơn vị hành chính; có số điện thoại, thư điện tử (nếu có)”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 44 như sau:

“1. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh bao gồm một, một số hoặc toàn bộngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 45 như sau:

“2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước, doanh nghiệp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện với Cơ quan đăng ký kinh doanh”.

17. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 52 như sau:

“a) Chào bán phần vốn góp đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của thành viên còn lạitrong công ty với cùng điều kiện chào bán;”.

18. Bổ sung khoản 9 Điều 57 như sau:

“9. Các nội dung liên quan đến chi phí, trình tự, thủ tục mời họp, triệu tập họp Hội đồng thành viên trong những trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 56 thực hiện tương ứng theo các quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này.”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 68 như sau:

“4. Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ đã được thanh toán xong, công ty phải thông báo bằng văn bản về tăng, giảm vốn điều lệ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 73 như sau:

“**Điều 73. Công bố thông tin**

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều 88 của Luật này thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các điểm a, c, đ, g khoản 1 Điều 109 và Điều 110 của Luật này.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 88 như sau:

“**Điều 88. Doanh nghiệp nhà nước**

1. Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con;

d) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần là công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.

22. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 92 như sau:

“a) Quyết định các nội dung theo quy định tại pháp luật về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;”.

23. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 5 Điều 112 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên tính đến thời điểm đăng ký giảm vốn và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;”;

b) Bổ sung điểm d như sau:

“d) Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại quy định tại khoản 1 Điều 118 Luật này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 115 như sau:

“4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực đối với các tài liệu cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật, giải quyết các tranh chấp liên quan (nếu có) khi đứng ra triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.”.

25. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 121 như sau:

“2. Cổ phiếu không có thông tin quy định tại khoản 1 Điều này là cổ phiếu không hợp lệ. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.”.

26. Bổ sung khoản 4a sau khoản 4 Điều 140 như sau:

“4a) Đối với công ty có cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137, trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.”

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 141 như sau:

“1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.”.

28. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 164 như sau:

“a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề, kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên 1% vốn điều lệ, tỷ lệ và thời điểm làm chủ sở hữu, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;”.

29. Sửa đổi khoản 3 Điều 170 như sau:

“3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.”.

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 176 như sau:

“3. Công ty cổ phần, trừ công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán, phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.”.

31. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 207 như sau:

“c) Công ty không còn đủ số lượng thành viên, cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;”.

32. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 213 như sau:

“1. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp được chấm dứt hoạt động theo quyết định của chính doanh nghiệp đó hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

33. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 215 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong phạm vi địa phương, có trách nhiệm tổ chức đăng ký kinh doanh; thanh tra, kiểm tra, giám sát doanh nghiệp trong phạm vi địa phương; ban hành quy trình kiểm tra, giám sát đăng ký kinh doanh; ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Trường hợp doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo luật chuyên ngành thì cơ quan cấp đăng ký có trách nhiệm tích hợp, chia sẻ, cập nhật thông tin về đăng ký doanh nghiệp với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”.

34. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 216 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

“c) Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ quy định của Luật này, báo cáo, cung cấp thông tin nhằm phục vụ việc xác minh, đối chiếu thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi khi xét thấy cần thiết; đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo của doanh nghiệp;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h như sau:

“h) Lưu trữ thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp ít nhất 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.”.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ...... tháng ....... năm 2025.

2. Bãi bỏ Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 26, Điều 28, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 30, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 31, khoản 3 Điều 45, khoản 5, khoản 6 Điều 68 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ......, kỳ họp thứ ...... thông qua ngày ........ tháng ...... năm 2025.*

 **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

 **Trần Thanh Mẫn**